

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST
Ngày: 17-9-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Trần Thị Phương Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty X; địa chỉ: Đường x, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y– chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh T, sinh năm 1985 (Giấy ủy quyền số 84/2020/UQLM-XX ngày 24/12/2020).

2. **Bị đơn:** Ông Chung Th, sinh năm 1998; Ngụ tại: ấp TP, xã LH, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty X (ông T) trình bày:*

Ngày 31/3/2019 ông Chung Th có ký hợp đồng số 20190000015248000 với Công ty X (gọi tắt là XX) vay mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn của cửa hàng Thanh Vương Phát địa chỉ 359 ấp Phú Nghị, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ông Th vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, số tiền thanh toán hàng tháng 2.709.600 đồng, lãi suất 4,1772%/tháng. Số tiền thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/5/2019. ông Th thanh toán từ ngày 12/5/2019 đến ngày 01/7/2020 được 37.962.880 đồng (gồm 10.166.564 đồng tiền gốc và 27.767.836 đồng tiền lãi trong hạn và 28.480 đồng tiền lãi quá hạn). Từ ngày 01/7/2020 ông Th không thanh toán tiền cho công ty.

Hiện ông Th còn nợ lại số tiền tính đến ngày 07/12/2020 là 39.833.436 đồng tiền gốc và 9.762.488 đồng tiền lãi trong hạn và 300.496 đồng tiền lãi quá hạn.

Theo đơn khởi kiện, Công ty XX yêu cầu ông Th thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tính đến hết ngày 07/12/2020 là 49.896.420 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 9.762.488 đồng tiền lãi trong hạn và 300.496 đồng tiền lãi quá hạn) và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Công ty XX tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày 07/12/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên hòa giải, ông T đại diện cho Công ty XX yêu cầu ông Th thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tính đến hết ngày 30/3/2021 là 56.645.847 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 15.944.097 đồng tiền lãi trong hạn và 868.314 đồng tiền lãi quá hạn) và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho XX tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày 30/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029839, biển số 61H1-498.99 mang tên Chung Th thì Công ty XX đồng ý hoàn trả lại cho ông Th sau khi ông Th thanh toán xong số tiền nợ.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông Th thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử là 64.158.415 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 22.508.640 đồng tiền lãi trong hạn và 1.816.339 đồng tiền lãi quá hạn) và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Công ty XX tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày 17/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngoài ra ông T không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 18/3/2021, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (ông Th) trình bày:*

Ông Th thống nhất với lời trình bày của ông T về việc có vay của Công ty XX số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, số tiền thanh toán hàng tháng 2.709.600 đồng, lãi suất 4,1772%/tháng. Số tiền thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/5/2019. Ông Th thanh toán từ ngày 12/5/2019 đến ngày 01/7/2020 được 37.962.880 đồng (gồm 10.166.564 đồng tiền gốc và 27.767.836 đồng tiền lãi trong hạn và 28.480 đồng tiền lãi quá hạn). Từ ngày 01/7/2020 ông Th không thanh toán tiền cho Công ty XX. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 07/12/2020 là 49.896.420 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty XX yêu cầu ông Th thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tính đến hết ngày 07/12/2020 là 49.896.420 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 9.762.488 đồng tiền lãi trong hạn và 300.496 đồng tiền lãi quá hạn) và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Công ty XX tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày 07/12/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ thì ông đồng ý, tuy nhiên ông Th không có khả năng thanh toán một lần.

Tại phiên hòa giải, ông Th đồng ý thanh toán cho Công ty XX khoản nợ tính đến hết ngày 30/3/2021 là 56.645.847 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 15.944.097 đồng tiền lãi trong hạn và 868.314 đồng tiền lãi quá hạn) và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Công ty XX tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày 30/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, ông xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Khi ông vay tiền của Công ty XX thì có giao cho Công ty giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029839, biển số 61H1-498.99 mang tên Chung Th. Nay, ông yêu cầu được nhận lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029839, biển số 61H1-498.99 mang tên Chung Th.

Ngoài ra ông Th không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét

xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Công ty XX khởi kiện yêu cầu ông Th thanh toán số tiền 64.158.415 đồng (gồm: 39.833.436 đồng tiền gốc và 22.508.640 đồng tiền lãi trong hạn và 1.816.339 đồng tiền lãi quá hạn) theo hợp đồng cho vay tiêu dùng số 20190000015248000. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tiên Phong, xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. ông Th có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Ngày 31/3/2019 ông Th có ký hợp đồng số 20190000015248000 với Công ty XX vay số tiền là 50.000.000 đồng để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Thời hạn vay 36 tháng, số tiền thanh toán hàng tháng 2.709.600 đồng, lãi suất 4,1772%/tháng. Số tiền thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/5/2019. ông Th thanh toán từ ngày 12/5/2019 đến ngày 01/7/2020 được 37.962.880 đồng (gồm 10.166.564 đồng tiền gốc và 27.767.836 đồng tiền lãi trong hạn và 28.480 đồng tiền lãi quá hạn). Từ ngày 01/7/2020 ông Th không thanh toán tiền cho công ty nên Công ty XX khởi kiện yêu cầu ông Th thanh toán số tiền nợ gốc là 39.833.436 đồng và 22.508.640 đồng tiền lãi trong hạn và 1.816.339 đồng tiền lãi quá hạn.

[2.1] Xét thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp đồng cho vay tiêu dùng số 20190000015248000 ngày 31/3/2019 giữa Công ty XX và ông Th là bản chính. Mặt khác, ông Th cũng thừa nhận có vay của Công ty XX 50.000.000 đồng, đã trả được 37.962.880 đồng (gồm 10.166.564 đồng tiền gốc và 27.767.836 đồng tiền lãi trong hạn và 28.480 đồng tiền lãi quá hạn), từ ngày 01/7/2020 đến nay thì ông Th không thanh toán tiền cho Công ty XX. Do đó chứng cứ này thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đồng thời, theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 20190000015248000 ngày 31/3/2019 giữa Công ty XX và ông Th thì tại Điều 7 quyền và nghĩa vụ của bên cho vay thì bên cho vay có quyền “*Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này và các điều kiện giao dịch chung. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên cho vay ký thông báo chấm dứt hợp*

đồng”. Do ông Th không thanh toán tiền đúng thời hạn thỏa thuận nên Công ty XX yêu cầu ông Th thanh toán số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về phương thức thanh toán: ông Th yêu cầu được thanh toán 5.000.000 đồng/tháng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng như đã trình bày tại mục [2.2] và quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, ông Th phải có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền cho Công ty XX.

[2.4] Về tiền lãi: Công ty XX yêu cầu ông Th thanh toán tiền lãi trong hạn là 22.508.640 đồng và lãi quá hạn là 1.816.339 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029839, biển số 61H1-498.99 mang tên Chung Th thì Công ty đồng ý hoàn trả lại cho ông Th sau khi ông Th thanh toán xong số tiền nợ là phù hợp nên ghi nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Th phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty XX.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” Công ty tài chính TNHH một thành viên quốc tế Việt Nam JACCS (XX) đối với ông Chung Th.

Ông Chung Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X (XX) số tiền 64.158.415 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm mười lăm đồng) gồm: 39.833.436 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng) tiền gốc và 22.508.640 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tiền lãi trong hạn và 1.816.339 đồng (một triệu tám trăm mười sáu nghìn ba trăm ba mươi chín đồng) tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày 17/9/2021, nếu ông Chung Th không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Chung Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tiêu dùng số: 20190000015248000 ngày 31/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay tiêu dùng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty X (XX) thì lãi suất mà ông Chung Th phải tiếp tục thanh toán cho Công ty X (XX) theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Công ty X (XX).

2. Công ty X (XX) có trách nhiệm hoàn trả cho ông Chung Th 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029839, biển số 61H1-498.99 mang tên Chung Th (bản chính) khi ông Chung Th thanh toán xong số tiền nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Chung Th chịu 3.207.920 đồng (ba triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty X (XX) 1.247.410 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045659 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh